

Du lịch cộng đồng tộc người ở Việt Nam: xu thế thích ứng nhu cầu hội nhập văn hóa

TRẦN THỊ MAI AN*

Tóm tắt: Du lịch cộng đồng tộc người là một trong những loại hình của du lịch văn hóa mang tính tri thức, tạo cơ hội cho khách có những trải nghiệm với văn hóa cư dân bản địa. Văn hóa tộc người càng đa dạng, phong phú thì tiềm năng và thực tiễn phát triển của hình thức du lịch cộng đồng tộc người càng triển vọng và thành công. Trong xu thế hội nhập toàn cầu hóa văn hóa, bài viết điểm qua vài nét về bức tranh du lịch cộng đồng ở Việt Nam, chỉ ra các nét đặc hữu riêng có của nền tảng tài nguyên du lịch này, đồng thời với một vài đối sánh về cách làm du lịch của loại hình du lịch cộng đồng tộc người ở một số nước trong khu vực, bài viết đưa ra một vài gợi ý giải pháp mong muốn đóng góp vào sự phát triển loại hình du lịch này ở Việt Nam.

Từ khóa: Tộc người; Du lịch; Việt Nam; Giải pháp.

1. Xu hướng toàn cầu hóa và du lịch văn hóa mang tính tri thức

Toàn cầu hóa là một xu thế tất yếu của lịch sử phát triển nhân loại, một trạng thái xã hội không có biên giới và ranh giới cứng nhắc; mọi quốc gia đều cùng nhau giải quyết các vấn đề cấp bách đang đặt ra với nhân loại, như ô nhiễm môi trường, chiến tranh sắc tộc, dân tộc và tôn giáo, dịch bệnh thế kỷ, đói nghèo... Theo đó các cụm từ giao lưu, ảnh hưởng, hội nhập... thường xuyên được bắt gặp trong mối quan hệ qua lại giữa các nền văn hóa khác nhau.

Trong các công trình nghiên cứu,

Albrow, M., & King, E. (1990), A.Mc.Grew (1992), Nguyễn Văn Lưu (2004), Lê Hữu Nghĩa, Nguyễn Ngọc Tông (2004) đều cho rằng cơ hội từ xu hướng toàn cầu hóa thúc đẩy các cộng đồng tộc người, quốc gia biết và hiểu về nhau nhiều hơn. Họ tự khám phá và nhận thức được những giá trị khác biệt của mình khi tiếp xúc với các nền văn hóa hoặc sắc thái văn hóa khác. Du lịch văn hóa là một trong những hình thức du lịch phổ biến trong xu thế toàn cầu hóa văn hóa. Thông qua nguồn tài nguyên nhân văn đa dạng và phong phú của mỗi quốc gia, mỗi cộng đồng, loại hình du lịch

* TS. Trần Thị Mai An, Đại học Đà Nẵng

này trở thành phương tiện chuyển tải, trình diễn các giá trị di sản văn hóa đến với du khách; góp phần bảo vệ, duy trì và phát triển các di sản văn hóa. Và khi thương hiệu tại các điểm đến của loại hình này được khẳng định, nó sẽ đóng góp to lớn trong việc quảng bá những nét đặc sắc của văn hóa quốc gia, dân tộc đến với bạn bè thế giới⁽¹⁾.

Ngược dòng lịch sử có thể thấy, du lịch kể từ khi hình thành đã được coi là “sự mở rộng không gian văn hóa của con người”, đặc biệt trong xu thế toàn cầu hóa văn hóa hiện nay, nhu cầu này được thúc đẩy và phát triển nhanh chóng hơn. Mạng lưới Tổ chức Du lịch Thế giới của Liên hợp quốc (*United Nation World Tourism Organization Network - UNWTO*) đã chỉ ra rằng, chưa bao giờ xã hội xuất hiện nhiều loại hình du lịch dựa trên nền tảng tài nguyên văn hóa của con người như hiện nay. Chủ thể du lịch và khách thể du lịch nhìn từ góc độ kinh doanh dịch vụ hay từ bản thân du khách đều đang đánh giá cao vai trò nhận thức của mình trong hoạt động du lịch⁽²⁾. Các nguồn tài nguyên nhân văn được khai thác trong hoạt động du lịch văn hóa phải được chọn lựa, thể hiện tính đại diện văn hóa cho cộng đồng, quốc gia. Đối với bản thân du khách, loại hình du lịch văn hóa góp phần giúp họ biết hướng đến một nhận thức “đi du lịch” mang tính tri thức, biết so sánh, lựa chọn điểm đến phù hợp để làm giàu hơn sự hiểu biết của mình thông qua các chuyến đi.

Hiểu như vậy, trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay, bản chất của loại hình du lịch văn hóa chính là dạng du lịch văn hóa mang tính tri thức.

2. Du lịch cộng đồng tộc người ở Việt Nam - một loại hình du lịch văn hóa

Du lịch cộng đồng tộc người là loại hình đưa du khách tham gia, trải nghiệm vào đời sống văn hóa cư dân bản địa/địa phương. Ở đó, họ sẽ được quan sát, tìm hiểu những tập tục, lối sống, cũng như những giá trị văn hoá đặc sắc, riêng có của cộng đồng. Văn hóa tộc người càng đa dạng, phong phú thì tiềm năng và thực tiễn phát triển của loại hình du lịch cộng đồng tộc người càng có cơ hội phát triển và thành công. Du lịch cộng đồng tộc người nhìn chung cũng là một hình thức phản ánh của loại hình du lịch văn hóa.

Với các nhà du lịch, bên cạnh những nét tự nhiên, nguồn tài nguyên văn hóa tộc người thường được khai thác phổ biến dưới dạng văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể⁽³⁾. Từ hai dạng thức này, các sản phẩm cụ thể của loại hình du lịch cộng đồng tộc người ra đời và hình thành các điểm đến hấp dẫn.

Là một quốc gia đa dân tộc, nền tảng văn hóa tộc người của Việt Nam đã và đang trở thành nguồn tài nguyên quan trọng cho hoạt động du lịch, có thể chỉ ra được các nét đặc thù riêng có của loại hình du lịch cộng đồng tộc người ở đây, như:

- *Khía cạnh tự nhiên:* Việt Nam nằm trên bán đảo Đông Dương, ven biển Thái Bình Dương, có khí hậu nhiệt đới gió mùa, cây cối quanh năm xanh tươi. Vùng đồi núi lớn, chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích đất nước, có nhiều đảo nhỏ. Với cảnh quan tự nhiên đa dạng như vậy nên Việt Nam sở hữu nhiều phong cảnh đẹp, đặc biệt là ở những vùng miền núi, nơi chưa có nhiều sự tác động của quá trình đô thị hóa, cảnh sắc vẫn còn rất

hoang sơ, tạo nên bức tranh đối lập với các vùng đồng bằng, duyên hải, thành phố sầm uất chính là những đa dạng địa hình đặc hữu thu hút du khách.

- *Khía cạnh văn hóa:* Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc. 54 cộng đồng là 54 sắc thái văn hóa khác nhau; và trong 54 sắc thái ấy lại có các nét văn hóa đặc hữu riêng biệt phản ánh không gian cư trú riêng của mỗi tộc. Đây là kho tàng văn hóa phong phú, có giá trị cốt lõi trở thành tài nguyên du lịch đặc sắc cho loại hình du lịch cộng đồng tộc người.

Về mặt thực tế, điểm nhấn hấp dẫn của loại du lịch cộng đồng tộc người ở Việt Nam so với các loại hình du lịch khác (cũng dựa vào nguồn tài nguyên nhân văn) chính là việc khai thác những giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của đời sống văn hóa các dân tộc thiểu số. Với 3 ngữ hệ lớn (Nam Á, Nam Đảo, Hán Tạng), 8 nhóm ngôn ngữ (Việt - Mường, Môn - Khơ me, Tày- Thái, Hmông - Dao, Ka đai, Nam Đảo, Hán, Tạng - Miến), cộng đồng các dân tộc thiểu số ở Việt Nam tuy chỉ chiếm 14% dân số cả nước⁽⁴⁾ nhưng lại cư trú phân tán và xen cài ở trên khắp ¾ diện tích đất nước, tạo thành các không gian văn hóa mang tính đặc thù như vùng Đông Bắc, vùng Tây Bắc, vùng miền núi Thanh Nghệ, vùng duyên hải Trung và Nam trung bộ, vùng Trường Sơn - Tây Nguyên, vùng Nam Bộ⁽⁵⁾. Việc lựa chọn, khai thác giá trị văn hóa đặc trưng của các dân tộc thiểu số (nhà cửa, trang phục, ăn uống, giao tiếp, lễ hội...) đang bước đầu hình thành các thương hiệu điểm đến/các sản phẩm du lịch có ấn tượng. Tuy nhiên, do sự đa dạng của văn hóa, sinh kế nên sản

phẩm du lịch cộng đồng các tộc người thiểu số ở Việt Nam cũng không hoàn toàn giống nhau trên khắp cả nước.

Du lịch cộng đồng tộc người ở Việt Nam bắt đầu mở thị trường đón khách vào cuối những năm 1990. Một số bản làng dân tộc ở Mai Châu (Hòa Bình) và Sapa (Lào Cai) là điểm đến đầu tiên của loại hình du lịch này. Từ đó đến nay, loại hình này đã được mở rộng ra một số bản làng khác không chỉ ở khu vực miền bắc mà cả ở khu vực miền Trung - Tây nguyên và Nam Bộ. Hầu hết các công ty du lịch lữ hành lớn trong nước đều có các sản phẩm của loại hình du lịch cộng đồng tộc người.

Ở vùng núi phía bắc, các sản phẩm của loại hình này chủ yếu đã được triển khai ở làng bản người Hmông, Dao, chợ vùng cao Tây Bắc, ruộng bậc thang (Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang...). Công ty du lịch Hòa Bình là đơn vị lữ hành đầu tiên khai thác loại hình du lịch cộng đồng làng bản các dân tộc thiểu số ở đây. Mỗi năm, ở Bản Lác, Mai Châu, Hòa Bình, trung bình có 3 - 4 vạn lượt khách đến tham quan, nghỉ lại. Tại Bản Dền, xã Bản Hồ, huyện Sa Pa cũng đón được từ 3 đến 3,5 vạn du khách/năm, doanh thu hằng năm đạt từ 3 đến 4 tỷ đồng. Bình quân, các hộ gia đình tổ chức homestay có thêm thu nhập từ 1 đến 3 triệu đồng/tháng⁽⁶⁾. Ở vùng núi Trường Sơn - Tây Nguyên, loại hình du lịch này cũng được triển khai có hiệu quả tại khu du lịch cộng đồng tộc người Cơ-tu ở thôn Dối, xã Thượng Lộ, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế. Trong năm 2016, điểm du lịch này đã đón hơn 10 đoàn với 258 lượt khách, trong đó có 45 lượt khách quốc tế, doanh thu 20 triệu đồng; hay làng du lịch cộng

đồng tộc người Cơ-tu ở huyện Nam Giang tỉnh Quảng Nam đi vào hoạt động từ năm 2012 đến nay đã đón hơn 93 đoàn khách quốc tế, doanh thu đạt khoảng 800 triệu đồng. Riêng tháng 3/2016 đã có 11 đoàn khách với gần 200 lượt đến tham quan thôn Ta Bỉnh ở Nam Giang, mang lại doanh thu 150 triệu đồng⁽⁷⁾. Tại Tây Nguyên, loại hình này cũng được triển khai thành công ở bản làng người Ba-na ở thôn Kon Kơ Tu, xã Đăk Rơ Wa thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Tại vùng Nam Bộ, Nam Trung Bộ, các điểm du lịch văn hóa cộng đồng người Chăm, Khmer, Hoa cũng là các điểm đến quen thuộc trong các tour của các công ty lữ hành hàng đầu trong nước như Vietravel, Fiditour, Saigon Tourist, Bến Thành Tourist, Hà Nội Tourist,...

Trong bối cảnh chung của toàn cầu hóa về du lịch, việc phát triển loại hình du lịch này đã đem lại các đổi thay về cơ sở hạ tầng, tăng cường khả năng tiếp cận các tiện ích về thông tin, truyền thông, tăng niềm tự hào về giá trị di sản văn hóa dân tộc, giúp các cộng đồng mạnh mẽ hơn trong ý thức và hành vi bảo tồn giá trị văn hóa địa phương, mặt khác góp phần tăng cơ hội về việc làm, tăng thu nhập và nâng cao mức sống cho họ. Thực tế, khác với các di sản văn hóa vật thể phổ biến ở vùng đồng bằng dễ bị xuống cấp, hư hại do tình trạng khai thác du lịch quá mức, phần lớn di sản văn hóa cộng đồng tộc người thiểu số Việt Nam vẫn đang giữ được các sắc thái nguyên vẹn, đặc biệt là ở các giá trị văn hóa phi vật thể. Từ không gian buôn làng, lễ hội, phong tục, tín ngưỡng đến cách thức giao tiếp mộc mạc, chân tình của cộng đồng vẫn đang được bảo lưu. Đây chính là nguồn tài nguyên quý giá để có

thể khai thác bền vững loại hình du lịch này ở hiện tại và trong tương lai.

3. Gợi ý phát triển loại hình du lịch cộng đồng tộc người ở Việt Nam qua đối sánh với một vài quốc gia trong khu vực

Trong định hướng phát triển du lịch theo hướng bền vững của các quốc gia trên thế giới, việc đa dạng hóa sản phẩm du lịch, nâng cao chất lượng đào tạo để thu hút khách luôn được xem là vấn đề cấp thiết. Đối với các loại hình du lịch gắn với nguồn tài nguyên nhân văn, đặc biệt là loại hình du lịch cộng đồng tộc người, việc bảo tồn văn hóa truyền thống dân tộc và công tác quy hoạch, tôn tạo, khai thác một cách hợp lý di sản văn hóa tộc người là chiến lược phát triển được ưu tiên hàng đầu. Để phát triển loại hình du lịch này hơn nữa, chúng tôi cho rằng:

Thứ nhất, với đặc hữu có nhiều giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể được lưu giữ, môi trường sinh thái còn nguyên sơ, loại hình du lịch cộng đồng tộc người ở Việt Nam nên kết hợp với các loại hình du lịch trong thiên nhiên để tạo những sản phẩm du lịch ghép phong phú.

Ở khu vực Đông Nam Á, Indonesia là quốc gia đang phát triển mạnh về loại hình du lịch văn hóa tộc người kết hợp với sinh thái (Eco-ethnic cultural tourism). Quốc gia hải đảo này có trên 300 dân tộc, 95% trong số họ là người bản địa. Kể từ năm 2011, Indonesia đã đề ra chiến lược kết hợp sinh thái và văn hóa nhằm thay đổi du lịch Indonesia, đưa du lịch nước này lên một bước tiến mới, đạt đến giai đoạn quan trọng trong quá trình phát triển. Với

du lịch sinh thái kết hợp văn hóa tộc người, Indonesia hướng đến thu hút du khách thông qua những chuyến phiêu lưu, khám phá cảnh quan, sinh thái và văn hóa chứ không chỉ tham quan, nghỉ dưỡng đơn thuần. Cách làm này không chỉ giúp các cộng đồng bản địa địa phương cải thiện được chất lượng sinh kế mà còn góp phần bảo tồn văn hóa tộc người, quảng bá du lịch cho đất nước Indonesia.

Thứ hai, Việt Nam cần tiếp tục duy trì và phát triển mạnh các mô hình làng dân tộc để hình thành được các chuỗi sản phẩm du lịch đặc thù. Tuy chúng ta đã có những bước đầu thành công về mô hình du lịch này ở bản người H'Mông (Sapa, Lào Cai), bản người Dao (Đông Văn, Hà Giang), bản người Mường, Hòa Bình, làng người Cơ tu (Nam Giang, Quảng Nam), làng du lịch dân tộc Chăm (Bình Thuận)... nhưng mức độ hoạt động của các mô hình này còn quá ít ỏi. Do đó, Việt Nam cần nhân rộng và xây dựng thêm nhiều các sản phẩm kết hợp đa dạng khác, hướng đến nhiều thị trường, đối tượng khách khác nhau để tạo một dấu ấn đặc trưng cho loại hình du lịch cộng đồng tộc người. Điều cốt lõi ở đây là xây dựng tính chất trải nghiệm văn hóa trong loại hình du lịch này. Ở Thái Lan, người Thái luôn đề cao việc bảo tồn nguyên vẹn các giá trị văn hóa dân tộc. Một trong các điểm đến hấp dẫn của tour du lịch cộng đồng tộc người đã có thương hiệu trong ngành du lịch Thái Lan là mô hình làng du lịch cộng đồng của người H'Mông, Karen, Shan, Lahu, Palung, ... ở Chiang Mai và Chiang Rai. Nắm bắt nhanh chóng tâm lý du khách, Thái Lan phát triển loại hình du lịch trải nghiệm văn hóa tộc người. Họ quy hoạch và xây dựng hạ tầng cho nhiều khu

dân cư ven đường quốc lộ rồi vận động người dân đến sinh sống; khai thác bản sắc văn hóa tộc người qua các điệu múa, giới thiệu và bán các trang phục truyền thống, làm các mặt hàng thủ công, thưởng thức món ăn đúng truyền thống dân tộc; phối hợp với cảnh quan thiên nhiên tạo một không khí chân tình, mộc mạc mang đúng sắc thái của cư dân địa phương mà du khách sẽ không thể tìm thấy được ở bất cứ một nơi nào khác. Cách tôn vinh các làng văn hóa dân tộc của Thái Lan đã khiến các tour du lịch cộng đồng tộc người của họ luôn hấp dẫn được du khách.

Tóm lại, trong xu thế hội nhập ngày nay, phát triển loại hình du lịch văn hóa nói chung và du lịch cộng đồng tộc người nói riêng là hướng đi phù hợp với đặc thù văn hóa, với bối cảnh phát triển của đất nước. Loại hình du lịch cộng đồng tộc người chính là phương tiện chuyển tải văn hóa Việt Nam đến bạn bè quốc tế nói chung và đến chính các cộng đồng, các nhóm tộc người trong nước; là xu thế du lịch mang tính tri thức, hiệu quả và bền vững cho cả chủ thể và khách thể trong hoạt động khai thác và kinh doanh du lịch cũng như bảo tồn, tôn tạo và phát triển văn hóa tộc người./

CHÚ THÍCH

1. Theo định nghĩa của WTO, du lịch văn hóa là những chuyến đi mà mục đích chính hoặc mục đích bao gồm trong đó là thăm các địa điểm, sự kiện mà giá trị văn hóa, lịch sử của chúng khiến chúng trở thành một phần trong di sản văn hóa của

- * một cộng đồng. Những năm gần đây, Du lịch văn hóa đã trở thành một khái niệm quen thuộc ở Việt Nam. Tổ chức du lịch thế giới (WTO) từng thống kê loại hình du lịch văn hóa đóng góp khoảng 37% du lịch toàn cầu và dự báo có thể tăng khoảng 15% mỗi năm. Có rất nhiều quốc gia thế giới đang khai thác hiệu quả loại hình này trong đó có các quốc gia Đông Nam Á.
2. Nguyễn Văn Lưu (2004), *Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế về du lịch*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.
 3. Nhiều ý kiến phân chia nội hàm văn hóa tộc người ra thành các bộ phận như:
 - 2 bộ phận: văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần hoặc văn hóa vật thể, văn hóa phi vật thể
 - 3 bộ phận: Văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần, văn hóa xã hội
 - 4 bộ phận: Văn hóa sản xuất, văn hóa bảo đảm đời sống, văn hóa chuẩn mực xã hội, văn hóa tinh thần
 - Ở đây, chúng tôi tách ra thành 2 bộ phận, gọi là văn hóa vật thể và phi vật thể. Dưới góc nhìn của Nhân học văn hóa, các yếu tố vật thể gồm kết cấu làng bản, nhà cửa, y phục, ẩm thực, đồ ăn thức uống, các phương tiện đi lại, vận chuyển, các công trình kiến trúc - tín ngưỡng, tôn giáo v.v... Văn hóa phi vật thể gồm nền văn học dân gian (các thể loại truyện kể, ca dao, hò vè, nhiều tộc người ở Tây Nguyên có nguồn sử thi); một số tộc người có nền văn học viết; nền âm nhạc dân gian (các loại hình dân ca, nhạc cổ gắn với các loại nhạc cụ và các hình thức diễn xướng); nền nghệ thuật dân gian (các loại tranh, tượng); phong tục tập quán liên quan đến chu trình đời người, đến gia đình, làng bản; các luật tục liên quan đến các ứng xử xã hội; các lễ hội, các hình thái tín ngưỡng và tôn giáo...
 4. Việt Nam có 54 dân tộc, trong đó có 53 dân tộc thiểu số chiếm khoảng 14% dân số và người Việt (Kinh) chiếm tỉ lệ 86% dân số cả nước. Số lượng dân cư của các dân tộc

không đồng đều. Số dân chiếm từ 1 triệu đến 1,5 triệu là có khoảng 18 dân tộc. Dân số chiếm từ 10 ngàn người đến gần 1 triệu người là có 19 dân tộc, còn lại số lượng dưới 10 ngàn người là 16 dân tộc, thậm chí có dân tộc chỉ hơn 300 người như: Dân tộc Brau, Ô Đu, Rmăm...

5. Đây là vùng đồng bằng có 3 dân tộc thiểu số cư trú là dân tộc Hoa, Chăm và Khơme.
6. Theo số liệu của Tổng cục du lịch Việt Nam, "Phát triển du lịch cộng đồng: cần có chính sách đặc thù", <http://vietnamtourism.gov.vn/index.php/items/15503>
7. Theo số liệu của Tổng cục du lịch Việt Nam, "Quảng Nam: Phát triển du lịch dựa vào cộng đồng người Cơ tu", <http://vietnamtourism.gov.vn/index.php/items/20368/1>.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Albrow, M., & King, E. (1990). *Globalization, knowledge and society*, Sage Publications.
2. A. Mc Grew and P. Lewis (1992) *Global Politics, Globalization and the Nation-State*, Cambridge: Polity Press.
3. Harron, S.; Weiler, B.; Hall, C. M., *Ethnic tourism*, Publisher Belhaven Press, 1992.
4. Nguyễn Văn Lưu (2004), *Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế về du lịch*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.
5. Maeda Osamu (chủ biên), Ohashi Kenichi (1997), "Đối tượng của hoạt động du lịch - Môi trường sống và giao lưu", Nxb Gakbunsha, Tokyo.
6. Lê Hữu Nghĩa- Lê Ngọc Tòng (2004), *Toàn cầu hóa - những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính Trị Quốc gia, Hà Nội
7. Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật và Du Lịch Sài Gòn, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc tế: "Toàn cầu hóa du lịch và địa phương hóa du lịch", Hồ Chí Minh, tháng 3, 2015.